

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 3138 /STC-TCĐT

V/v công khai danh mục dự
án, chủ đầu tư có dự án
chậm lập báo cáo quyết toán
đến hết tháng 9 năm 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 3541/UBND-TH ngày 23/7/2021 về việc đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh. Trong đó, hàng quý giao Sở Tài chính tổng hợp danh mục dự án chậm lập báo cáo quyết toán.

Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị; Sở Tài chính tổng hợp danh mục dự án, chủ đầu tư chậm lập báo cáo quyết toán đến hết tháng 9 năm 2021 gửi Văn phòng UBND tỉnh công khai trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh (*Chi tiết chủ đầu tư, danh mục dự án vi phạm về thời gian lập báo cáo quyết toán có phụ lục đính kèm*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị phối hợp:
- + Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Chủ đầu tư:
- + BCH Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Ngãi;
- + BQL DA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi;
- + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- + UBND các huyện: Sơn Tây, Tư Nghĩa, Trà Bồng, Ba Tơ, Bình Sơn, Mộ Đức;
- Sở Tài chính:
- + GD và PGD Sở phụ trách;
- + Website STC;
- + Lưu: VT, TCĐT(Trí). 



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Hữu Thịnh

PHỤ LỤC I

**TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN HOÀN THÀNH VI PHẠM THỜI GIAN LẬP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
ĐẾN HẾT THÁNG 9 NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Công văn số 3138/STC-TCĐT ngày 14/10/2021 của Sở Tài chính Quảng Ngãi)

Đvt: Triệu đồng

STT	Đơn vị/dự án	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Số dự án	Nhóm công trình (A, B, C)	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Tháng/năm khởi công - hoàn thành		Thời gian chậm QT so với quy định (tháng)	Tổng vốn đầu tư đã thanh toán
						Khởi công	Hoàn thành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ		49		75.885				59.035
A	Dự án do cấp tỉnh quản lý		3		9.313				6.802
I	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Ngãi		1		5.880				4.496
1	Xây dựng mới Trạm KSBP Sa Huỳnh	Bộ chỉ huy BDBP tỉnh Quảng Ngãi	1	C	5.880	4/2020	01/2021	4	4.496
II	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2		3.433				2.306
1	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cảng cá và trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	C	433	6/2019	12/2020	5	292
2	Cảng cá và trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ (gói thầu số 7b)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	C	3.000	12/2018	02/2019	27	2.014
B	Dự án do cấp huyện quản lý		46		66.572				52.233
I	Huyện Sơn Tây		1		900				720
1	Đường thôn BTXM tuyến ông Bang - ông Huỳnh (Giai đoạn 2)	UBND xã Sơn Lập	1	C	900	03/2020	06/2020	11	720
II	Huyện Tư Nghĩa		1		1.000				995
1	Đường GTNT tuyến Đồng Chặc - Ruộng trúc	BQL các CTMTQG xã Nghĩa Thắng	1	C	1.000	10/2018	03/2020	14	995
III	Huyện Trà Bồng		2		2.400				2.329

STT	Đơn vị/dự án	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Số dự án	Nhóm công trình (A, B, C)	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Tháng/năm khởi công - hoàn thành		Thời gian chậm QT so với quy định (tháng)	Tổng vốn đầu tư đã thanh toán
						Khởi công	Hoàn thành		
1	Xây mới thủy lợi NaLa Ngư thôn Nguyên	BQL CT MTQG xã Trà Hiệp	1	C	1.000	02/2020	12/2020	5	956
2	Phòng học, bếp ăn, sân vườn Trường mẫu giáo Thôn cưa	BQL CT MTQG xã Trà Hiệp	1	C	1.400	9/2019	8/2020	9	1.372
IV	Huyện Ba Tư		10		19.300				14.404
1	Đường điện 0,4 KV Làng giấy - Dốc Mốc	Ban QL CTMTQG xã	1	C	4.000	8/2020	4/2021	1	2.749
2	KCH Kênh Mang Mít	Ban Quản lý dự án	1	C	1.900	8/2020	03/2021	2	1.135
3	Đ. thôn: Nối tiếp BTXM tuyến QL24 (Km38+150)	Ban QL các CTMTQG	1	C	900	10/2020	02/2021	3	685
4	Đ. thôn: Tuyến QL24 (Km34+900) - Tổ 4 Đồng Dinh	Ban QL các CTMTQG xã Ba Dinh	1	C	1.100	10/2020	02/2021	3	869
5	Đập Nước Đọt, xã Ba Bích	Ban Quản lý dự án	1	C	1.600	8/2020	02/2021	3	816
6	Đập Nước Cam, xã Ba Bích	Ban Quản lý dự án	1	C	2.300	8/2020	02/2021	3	1.221
7	Nối tiếp tuyến kênh dưới tuyến hạ lưu Hồ chứa nước Núi Ngang đi cánh đồng Ngũ Huỳnh Sơn	UBND xã Ba Liên	1	C	200	08/2020	02/2021	3	164
8	Sân vận động xã Ba Liên	Ban QL các CTMTQG	1	C	800	5/2020	12/2020	5	720
9	Nối tiếp BTXM đường GTNối tiếp tuyến QL 24 (km 35+400) - tổ 3 Đồng Dinh, Ba Dinh	Ban QL các CTMTQG xã Ba Dinh	1	C	1.100	3/2020	7/2020	10	972
10	Đập Nước Trinh	Ban Quản lý dự án	1	C	5.400	9/2017	7/2019	22	5.073
V	Huyện Bình Sơn		12		13.434				12.415
1	Cải tạo, mở rộng, nâng cấp dãy 06 phòng học, tường rào, công nghệ và nhà vệ sinh Trường TH xã Bình Mỹ (Cụm An Phong)	Phòng GD&ĐT huyện	1	C	1.200	8/2020	4/2021	1	1.150
2	KCH kênh Hồ Hóc Đùng - Cầu Cự	BQL XD NTM xã Bình Châu	1	C	3.600	02/2020	04/2021	1	3.169
3	Nâng cấp, sửa chữa 06 phòng học trường TH&THCS Bình Phước (Cụm Tiểu học)	Phòng GD&ĐT huyện	1	C	700	7/2020	3/2021	2	696

STT	Đơn vị/dự án	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Số dự án	Nhóm công trình (A, B, C)	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Tháng/năm khởi công - hoàn thành		Thời gian chậm QT so với quy định (tháng)	Tổng vốn đầu tư đã thanh toán
						Khởi công	Hoàn thành		
4	Nâng cấp, sửa chữa 12 phòng học trường THCS Bình Trị	Phòng GD&ĐT huyện	1	C	800	8/2020	3/2021	2	799
5	Nâng cấp, sửa chữa 06 phòng học trường TH số 1 Bình Thạnh (Cụm Trung An)	Phòng GD&ĐT huyện	1	C	600	8/2020	3/2021	2	599
6	Nâng cấp, sửa chữa 06 phòng học trường MN 24.3	Phòng GD&ĐT huyện	1	C	700	8/2020	3/2021	2	682
7	Trang trí các tuyến phố văn minh	UBND thị trấn Châu Ô	1	C	1.164	11/2019	10/2020	7	930
8	Đường thôn tuyến nhà Lê Cư đến lâm Canh	BQL XD NTM xã Bình Nguyên	1	C	506	04/2019	09/2020	7	473
9	Đường thôn tuyến từ đường BTXM cầu Bình Giá đến đầu xóm 9	BQL XD NTM xã Bình Nguyên	1	C	578	04/2019	09/2020	7	554
10	Đường ĐH.05 - Nghĩa trang liệt sĩ xã Bình Nguyên	UBND xã Bình Nguyên	1	C	700	07/2019	06/2020	11	674
11	Nâng cấp tuyến kênh Đồng Nghệ	UBND xã Bình Long	1	C	900	10/2019	06/2020	11	876
12	Nhà ghi ơn Mẹ Việt Nam anh hùng và Anh hùng lực lượng vũ trang xã Bình Đông	UBND xã Bình Đông	1	C	1.986	9/2017	02/2019	26	1.813
VI	Huyện Mộ Đức		20		29.538				21.371
1	Đ.xã: BTXM Tuyến Trạm Bơm HTX nông nghiệp - Bến Thóc	UBND xã Đức Hiệp	1	C	1.100	2017	12/2019	17	935
2	KCH Tuyến kênh từ ngõ Huỳnh - Bùi Dục	UBND xã Đức Hiệp	1	C	560	2017	12/2019	17	476
3	Đ.xã: BTXM tuyến Trạm Bơm HTXNN - Đập Bến Thóc	UBND xã Đức Hiệp	1	C	576	2018	12/2019	17	403
4	Đ.xã: BTXM tuyến Chợ Vom - Cầu Máng	UBND xã Đức Hiệp	1	C	2.700	2018	12/2019	17	1.890
5	Đ.xã: BTXM tuyến Phước Sơn - Phú An	UBND xã Đức Hiệp	1	C	630	2018	12/2019	17	441
6	Đ.xã: BTXM tuyến Xóm 1, An Long - Ti2	UBND xã Đức Hiệp	1	C	2.700	2018	12/2019	17	1.890
7	Đ.thôn: Tuyến Bàng Di Tích - Ngõ Thái	UBND xã Đức Hiệp	1	C	660	2018	12/2019	17	330
8	Đ.thôn: Tuyến Nguyễn Ngọc Dũng - Ngã ba nội đồng	UBND xã Đức Hiệp	1	C	690	2018	12/2019	17	345

STT	Đơn vị/dự án	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Số dự án	Nhóm công trình (A, B, C)	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Tháng/năm khởi công - hoàn thành		Thời gian chậm QT so với quy định (tháng)	Tổng vốn đầu tư đã thanh toán
						Khởi công	Hoàn thành		
9	Đ. thôn: Tuyến Ngõ Vinh - Ngõ Huân	UBND xã Đức Hiệp	1	C	490	2018	12/2019	17	245
10	Đ. thôn: Tuyến Trạm Hạ Thế - Cấm 2	UBND xã Đức Hiệp	1	C	500	2018	12/2019	17	250
11	Đ. thôn: Tuyến Phạm Cản - Lê Phú - Huỳnh Tới	UBND xã Đức Hiệp	1	C	1.000	2018	12/2019	17	500
12	Đ. thôn: Tuyến Ngõ Bê - Ngõ Năm Lô	UBND xã Đức Hiệp	1	C	700	2018	12/2019	17	350
13	KCH kênh từ S18 - Huỳnh Trung	UBND xã Đức Hiệp	1	C	1.162	2018	12/2019	17	930
14	KCH kênh từ Công Kít rào hai Tính - Ruộng Nguyễn Hoa Rộc Sa	UBND xã Đức Hiệp	1	C	1.260	2018	12/2019	17	1.008
15	KCH kênh Phạm Cản - Lê Phú	UBND xã Đức Hiệp	1	C	1.400	2018	12/2019	17	1.120
16	KCH kênh từ Ngõ Huỳnh - Bùi Dục (giai đoạn 2)	UBND xã Đức Hiệp	1	C	910	2018	12/2019	17	728
17	Trường Mầm non Đức Hiệp (cơ sở 1)	UBND xã Đức Hiệp	1	C	4.800	2018	12/2019	17	3.840
18	Trường Tiểu học Đức Hiệp	UBND xã Đức Hiệp	1	C	3.600	2018	12/2019	17	2.880
19	Nhà văn hóa xã Đức Hiệp	UBND xã Đức Hiệp	1	C	3.500	2018	12/2019	17	2.450
20	Nhà văn hóa thôn Chú Tượng	UBND xã Đức Hiệp	1	C	600	2018	12/2019	17	360

Ghi chú:

- Danh mục (2) bao gồm các dự án (công trình), hạng mục công trình đã hoàn thành và chi phí đã hoàn thành đến thời điểm dừng thực hiện dự án (công trình) của cấp có thẩm quyền.

- (9) Mốc thời gian để tính chậm lập báo cáo quyết toán là ngày bàn giao đưa vào sử dụng cộng với khoảng thời gian cho phép thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính đến hết tháng 9 năm 2021.